

HTX DỊCH VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÚ HƯNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:**

**CHĂN NUÔI LỢN THỊT THEO HƯỚNG
CÔNG NGHIỆP**

Quảng Trị, tháng 01 năm 2024

HTX DỊCH VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÚ HƯNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:**

**CHĂN NUÔI LỢN THỊT THEO HƯỚNG
CÔNG NGHIỆP**

**CHỦ DỰ ÁN:
HTX DỊCH VỤ SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP PHÚ HƯNG**

Nguyễn Thê

Quảng Trị, tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở	6
2. Tên cơ sở	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở.....	9
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở	10
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	11
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
1.2. Thu gom, thoát nước thải sản xuất	13
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	22
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	26
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	26
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	27
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	27
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ...	29
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	29
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	29
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	29
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	29
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	29
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	30
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	32
PHỤ LỤC BÁO CÁO	33

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BYT	Bộ Y tế
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CP	Chính phủ
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	NĐ	Nghị định
9	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
10	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
11	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
12	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
13	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực dự án.....	7
Bảng 2. Nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động trang trại	10
Bảng 3. Định mức và lượng nước uống cho lợn tại cơ sở	10
Bảng 4. Nhu cầu dùng nước cho các hoạt động sản xuất của trang trại	11
Bảng 5. Lượng nước tiêu trung bình trong ngày tính cho 1 con lợn	16
Bảng 6. Lưu lượng nước tiêu của lợn được tính toán theo tháng nuôi	16
Bảng 7. Khối lượng phân lợn phát sinh tại trang trại.....	16
Bảng 8. Vị trí xả nước thải sau xử lý	19
Bảng 9. Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải.....	19
Bảng 10. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm	26
Bảng 11. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm	27
Bảng 12. Kết quả quan trắc của cơ sở.....	28

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ vị trí trang trại và khu vực tiếp giáp (Google Earth)	6
Hình 2. Sơ đồ quy trình chăn nuôi lợn thịt thương phẩm	8
Hình 3. Sơ đồ minh họa công trình thu gom, thoát nước mưa tại trang trại.....	13
Hình 4. Sơ đồ minh họa công trình thu gom, thoát nước thải tại trang trại.....	14
Hình 5. Mô hình hầm tự hoại	15
Hình 6. Quy trình xử lý nước thải	17

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Phú Hưng
- Địa chỉ cơ sở: thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Nguyễn Thế - Giám đốc Hợp tác xã
- Điện thoại: 0888374868

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp.
- Địa điểm cơ sở: Vùng Choi Sắn, thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Diện tích: 7.900 m²

Phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp: đất rừng sản xuất
- + Phía Tây giáp: đất rừng sản xuất
- + Phía Đông giáp: đất rừng sản xuất
- + Phía Nam giáp: đất rừng sản xuất



Hình 1. Sơ đồ vị trí trang trại và khu vực tiếp giáp (Google Earth)

- Tọa độ địa lý khu vực dự án cụ thể như sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực dự án

Điểm góc	Hệ VN 2000, KTT 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1847502.832	602034.916
2	1847430.551	601916.874
3	1847335.438	601999.138
4	1847392.356	602121.307

- Dự án đã được Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường số 537/GXN-UBND ngày 20/7/2016 của UBND huyện.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở chăn nuôi lợn thịt với số lượng 600 con (lợn nội thịt).

Cơ sở có tiêu chí về môi trường (loại hình chăn nuôi gia súc, quy mô là 96 đơn vị vật nuôi – công suất nhỏ), dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất nhỏ, quy định tại cột 5, phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường tương, thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường theo quy định, thẩm quyền cấp phép của UBND huyện.

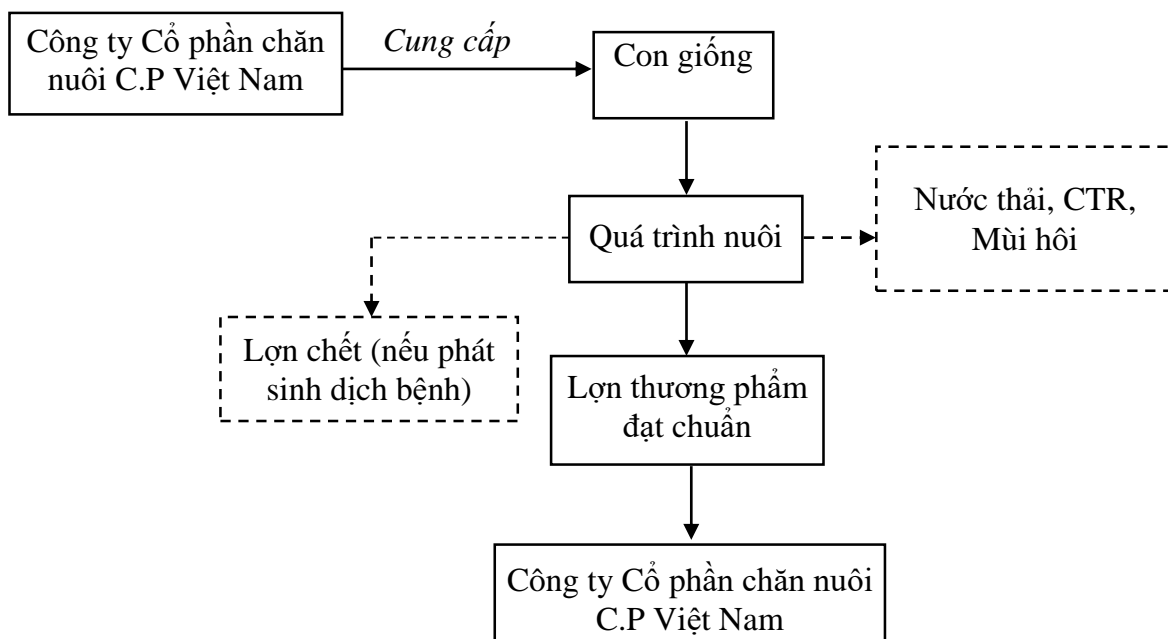
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp với quy mô 600 con.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình chăn nuôi lợn thịt:



Hình 2. Sơ đồ quy trình chăn nuôi lợn thịt thương phẩm

** Thuyết minh quy trình:*

- Nhập con giống: Số lượng con giống 600 con, được cung cấp theo từng lứa tùy thuộc vào điều kiện chăn nuôi, thời gian bắt đầu lứa nuôi do Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp lợn giống theo Hợp đồng quy định. Lợn trước khi nhập về trại sẽ được kiểm tra chặt chẽ các bệnh gia súc và có nguồn gốc rõ ràng.

- Trước khi thả lợn: vệ sinh sạch sẽ, quét vôi nền chuồng (tẩy uế xung quanh, có đủ nước uống). Khi đưa lợn về nuôi: đưa vào ngày mát, lúc mát, tức sáng sớm hay chiều tối, thời gian vận chuyển càng sớm càng tốt. Khi lợn về đến trại, phải chuyển lợn xuống ngay, đưa vào khu chuồng nuôi để nuôi thích nghi. Ghi nhận lại tất cả các biểu hiện bệnh tật của lợn trong quá trình nuôi thích nghi.

Tạo môi trường phù hợp cho lợn: bố trí quạt thông gió và hệ thống làm mát trong chuồng nuôi, đảm bảo luôn thoáng mát, thường xuyên vệ sinh, khử trùng cho chuồng nuôi. Hằng ngày, lợn được theo dõi và chăm sóc theo đúng quy trình của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam. Thực hiện tiêm phòng dịch tả, dịch hen, dịch tụ máu, dịch lở mồm long móng....

- Định mức nước uống: từ 0,5 – 8,3 lít/con/ngày tùy theo trọng lượng lợn.

- Định kỳ thì các bác sĩ thú y của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp lợn giống sẽ được cử xuống theo dõi để phòng trị bệnh cho lợn.

** Quản lý thức ăn:*

- Thức ăn cho lợn phải đảm bảo chất lượng, không được ôi thiu, ẩm mốc, mối mọt. Thức ăn phải đầy đủ dinh dưỡng cho từng loại lợn theo tiêu chuẩn quy định.

- Nguyên liệu dùng để phối trộn thức ăn phải đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, cần tuân thủ theo công thức đã khuyến cáo. Bao đựng thức ăn phải

sạch và chống ẩm.

- Trong trường hợp phải trộn thuốc vào thức ăn, trước khi trộn, phải kiểm tra đúng chủng loại thuốc (sản phẩm, liều lượng), làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất thuốc (lượng thuốc, thời gian ngừng thuốc) và phải ghi chép đầy đủ theo quy định.

- Nước uống: Nước cho lợn uống là nước ngầm được khai thác tại cơ sở.

* Phòng và trị bệnh cho lợn:

Sử dụng các loại vắc xin để phòng bệnh cho lợn, bao gồm các loại vắc xin chủ yếu sau:

- Vắc xin dịch tả lợn nhược độc.

- Vắc xin phòng bệnh phó thương hàn: Tiêm dưới da (gốc tai, hay mặt trong đùi).

- Vắc xin phòng bệnh lở mồm long móng.

- Vắc xin phòng tụ huyết trùng.

- Thuốc xổ lãi định kì.

* Xuất chuồng:

- Khi trọng lượng lợn đạt chuẩn sẽ được chủ cơ sở xuất bán lại cho Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam. Đồng thời sẽ tổng vệ sinh chuồng trại và bỏ trống thời gian khoảng 3 đến 4 tuần, Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam sẽ cung cấp lợn mới.

- Thời gian nuôi 5 tháng/đợt.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là lợn thịt với quy mô 600 con.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu cụ thể như sau:

❖ Nhu cầu về thức ăn

Thức ăn cho lợn được Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp:

- Giai đoạn 10 – 30 kg (từ ngày thả nuôi đến ngày thứ 70): Sử dụng loại thức ăn Hỗn hợp cho lợn tập ăn, trung bình khoảng 1,62 kg thức ăn/con/ngày. Tổng lượng thức ăn cung cấp cho giai đoạn này khoảng 113,4 kg/con.

- Giai đoạn 31 – 60 kg (từ ngày 71 – ngày thứ 112): Sử dụng loại thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt, trung bình khoảng 2,52 kg thức ăn/con/ngày. Tổng lượng thức ăn cung cấp cho giai đoạn này khoảng 105,84 kg/con.

- Giai đoạn 61 kg trở lên (từ ngày 113 – ngày thứ 154): Sử dụng loại thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt, trung bình khoảng 2,97 kg thức ăn/con/ngày. Tổng lượng thức ăn cung cấp cho giai đoạn này khoảng 124,74 kg/con. Thời gian nuôi mỗi đợt là 5 tháng, tối đa khoảng 154 ngày/đợt nuôi. Tổng lượng thức ăn được tính cho mỗi con lợn trong 1 đợt nuôi khoảng 343,98 kg thức ăn/con. Số lượng lợn thịt

tại cơ sở là 600 con/đợt, tương đương lượng thức ăn mà Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp là 206.388 kg thức ăn/đợt.

Bảng 2. Nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động trang trại

STT	Nguyên vật liệu	Số lượng
1	Lợn con nhập về từ Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam	600 con/đợt
2	Thức ăn hỗn hợp.	206.388 kg/đợt
3	Vôi để khử trùng mặt bằng, chuồng trại,...	60 kg/đợt
4	Thuốc sát trùng chuồng trại, sát khuẩn.	300 lít/đợt
5	Vật liệu đệm lót sinh học (khi lợn <1 tháng tuổi)	1,5 tấn/đợt
6	Các loại thuốc thú y phục vụ cho chăn nuôi, chủng loại và liều lượng sử dụng theo quy trình của Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam	-

4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở

- Điện: Nguồn cung cấp điện cho hoạt động cơ sở lấy từ nguồn lưới điện Quốc gia, cụ thể là nguồn điện 3 pha được kéo từ mạng lưới điện thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng.

- Nước: Được lấy từ nguồn giếng khoan của hộ gia đình

Nguồn nước sử dụng cho các hoạt động của trang trại là nước giếng khoan, 01 giếng với lưu lượng khai thác lớn nhất khoảng 8,6 m³/ngày.

❖ Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước là 80/lít/người, số lượng công nhân viên tại cơ sở là 03 người. Lưu lượng nước cấp cho nhân viên là: $Q_{nv} = 03 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày} = 0,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ Nước cho lợn uống:

Bảng 3. Định mức và lượng nước uống cho lợn tại cơ sở

Giai đoạn nuôi tại trại (ngày)	Trọng lượng lợn (kg/con)	Định mức thức ăn (kg/con/ngày)	Định mức nước uống (lít/con/ngày)	Lượng nước uống cho lợn (m ³ /ngày)
01 – 30 (lợn 30 – 60 ngày tuổi)	8 – 18	0,3 – 0,9	0,5 – 1,4	0,3-0,84
31 – 50 (lợn 61 – 80 ngày tuổi)	18 – 30	1,0 – 1,5	2,5 – 3,8	1,5-2,28
51 – 90 (lợn 81 – 120 ngày tuổi)	30 – 60	1,5 – 2,1	3,8 – 5,3	2,28-3,18
91 – 120 (lợn 121 – 150 ngày tuổi)	61 – 75	2,1 – 2,6	5,3 – 6,5	3,18-3,9

121 – 140 (lợn 151 – 170 ngày tuổi)	76 – 97	2,6 – 3,3	6,5 – 8,3	3,9-5,0
-------------------------------------	---------	-----------	-----------	---------

Như vậy lượng nước uống cho lợn tại cơ sở dao động từ 0,3-4m³/ngày tùy theo trọng lượng và lượng thức ăn của lợn.

❖ *Nước cấp cho quá trình làm mát:*

Mỗi chuồng nuôi lợn sử dụng khoảng 0,3 m³ nước cho quá trình làm mát. Trang trại có 02 chuồng, như vậy mỗi ngày trang trại sử dụng tổng 0,6 m³ nước.

❖ *Nước vệ sinh chuồng lợn*

Nước vệ sinh chuồng lợn: Lưu lượng sử dụng khoảng 1,5 m³/trại, cơ sở có 2 trại lợn nên nước vệ sinh chuồng lợn là 3 m³/đợt.

Bảng 4. Nhu cầu dùng nước cho các hoạt động sản xuất của trang trại

STT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu (m ³ /ngày)
1	Cấp cho sinh hoạt công nhân 03 người x 80 Lít/người/ngày	0,24
2	Nước dùng lợn uống hàng ngày	0,3-4
3	Nước dùng làm mát máy	0,6
4	Nước vệ sinh trại lợn 1,5 m ³ /trại/ngày x 2 trại	3
Cộng		4,1-7,8

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Các hạng mục cơ sở đã đầu tư xây dựng

- Chuồng nuôi lợn: 2.200 m² (mỗi trại có kích thước 55mx20m, 02 trại)
- Khu cắm kết hợp kho thuốc thú y: 100 m².
- Nhà vệ sinh: 15 m².
- Hệ thống xử lý nước thải: 1.000 m².

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp tại xã Phú Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị” đi vào hoạt động từ năm 2017 phù hợp với quy hoạch chăn nuôi của xã Hải Phú.

- Vị trí tương quan của khu vực trang trại như sau:

+ Cách ranh giới khu vực Trang trại khoảng 350 m về phía Bắc là cụm dân cư với 04 hộ dân thuộc thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, trong đó vị trí chuồng nuôi cách cụm dân cư gần nhất là khoảng 400 m.

+ Cách ranh giới khu vực Trang trại khoảng 400m về phía Đông là kênh mương thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho ruộng lúa và hoa màu; cách 2 km về phía Tây Bắc là Trường Mầm non Hải Phú (điểm trường Phú Hưng) và Nhà văn hóa thôn Phú Hưng, xã Hải Phú.

+ Cách ranh giới khu vực Trang trại khoảng 1,5 km về phía Đông là tuyến đường Quốc lộ 1A.

Như vậy, vị trí trang trại đảm bảo khoảng cách an toàn theo Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

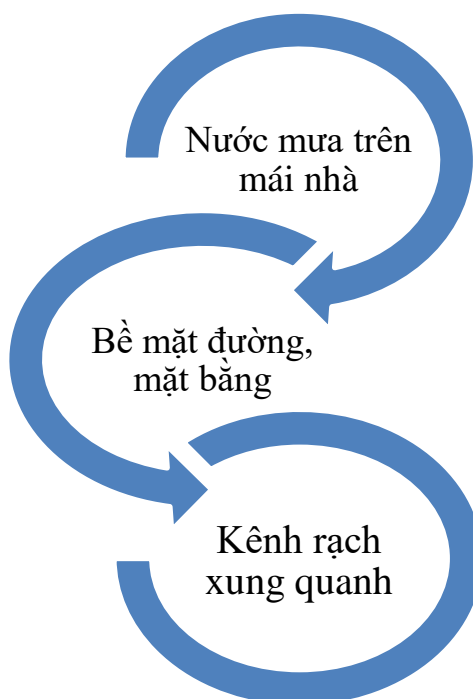
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa của trang trại bao gồm nước mưa từ mái nhà, mặt bằng trong trang trại thoát theo bề mặt trên tuyến đường nội bộ xuống các ao trong khu vực trang trại, hệ thống thu gom và thoát nước mưa được xây dựng theo cao trình tự chảy đảm bảo nước mưa được thu gom, tiêu thoát tốt, không bị ngập úng cục bộ.

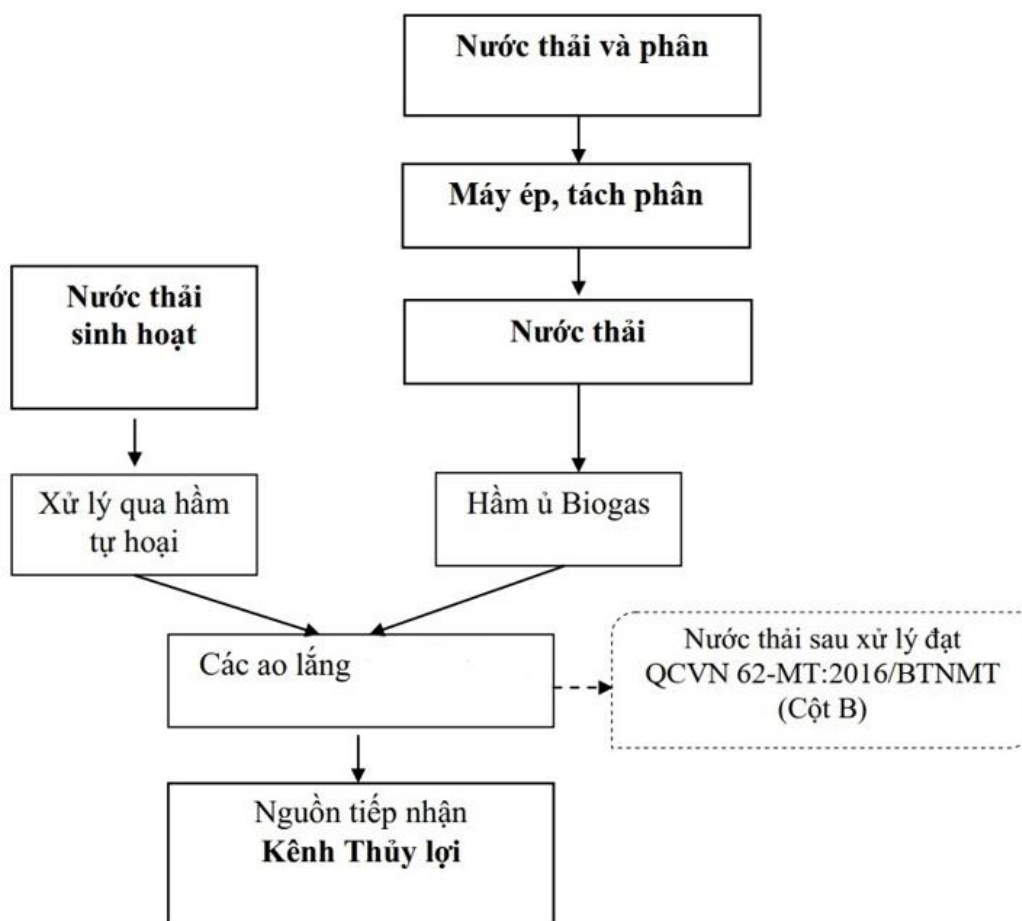
- Tại trang trại, công trình thu gom và thoát nước mưa đã được xây dựng hoàn thiện tách riêng với công trình thu gom, thoát nước thải. Sơ đồ minh họa được thể hiện như sau:



Hình 3. Sơ đồ minh họa công trình thu gom, thoát nước mưa tại trang trại

1.2. Thu gom, thoát nước thải sản xuất

Tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải được minh họa như sau:



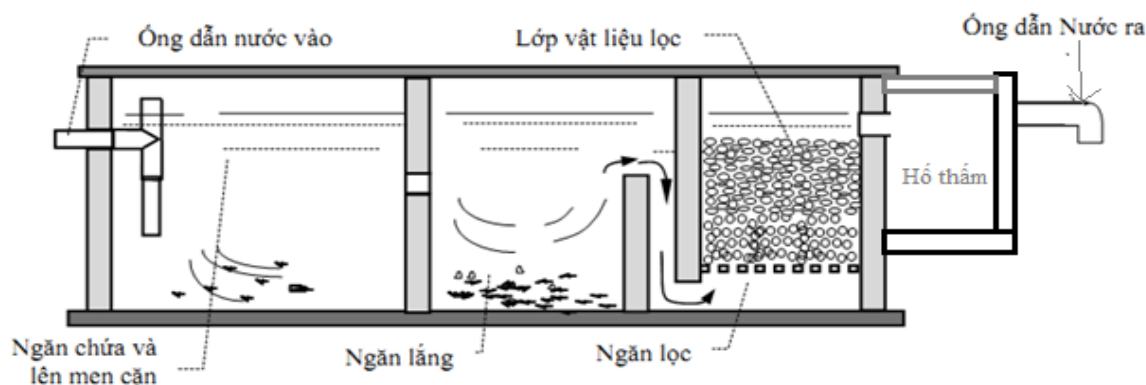
Hình 4. Sơ đồ minh họa công trình thu gom, thoát nước thải tại trang trại

*** Nước thải sinh hoạt:**

- Phát sinh từ hoạt động của công nhân, với số lượng công nhân tập trung tại trang trại 05 người. Nếu tính theo định mức sử dụng nước sinh hoạt là 80 lít/người/ngày và lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp (Theo định mức của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN: 01/2021/BXD). Ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày lớn nhất từ hoạt động của Cơ sở như sau: 03 người x 80 lít/người/ngày x 100% = 240 lít/ngày tương đương 0,24 m³/ngày.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Khối lượng nước thải sinh hoạt khoảng 0,24 m³/ngày được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích là 5 m³ sau đó được xử lý tại ao sinh học của trang trại trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận. Chức năng của bể tự hoại ứng dụng phương pháp lắng và phân huỷ yếm khí nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: phần lắng và phần phân huỷ cặn. Mô hình bể tự hoại như sau:



Hình 5. Mô hình hầm tự hoại

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

- Áp dụng phương thức tính toán thiết kế bể tự hoại của TS. Trần Đức Hạ - Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa - NXB KH&KT, Hà Nội 2002 để xây dựng bể phù hợp với lượng công nhân 03 người

+ Thể tích phần lắng của bể tự hoại: $W1 = a.N.T1/1.000$ (m³);

+ Thể tích phần chứa và lên men phân hủy cặn: $W2 = b.N.T2/1.000$ (m³);

Tổng thể tích bể tự hoại (W, m³): $W = W1 + W2$.

Trong đó:

N - số người sử dụng (N=3);

a - tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày ($a = 100$ L/người.ngày $\times 100\% = 100$ L/người.ngày);

b - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày; giá trị của b phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể; nếu thời gian giữa hai lần hút cặn < 1 năm thì $b=0,1$ L/người.ngày, nếu ≥ 1 năm thì $b=0,08$ L/người.ngày;

T1 - thời gian lưu của bể tự hoại, thường lấy 1÷3 ngày (chọn 2 ngày);

T2 - thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men; ta tính cho thời gian 1 năm (T2 = 365 ngày);

Vậy thể tích toàn bộ bể tự hoại là: $W = 0,689$ m³ (chọn 01 m³)

Hiện tại, Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại có thể tích 05 m³, đáp ứng nhu cầu với 03 CBCNV.

* Nước thải chăn nuôi

- Nguồn phát sinh

Nước thải từ quá trình chăn nuôi bao gồm lượng nước thải từ quá trình dội rửa chuồng và nước tiểu của lợn, đây là nguồn nước thải phát sinh thường xuyên.

➤ Nước tiểu của lợn:

Bảng 5. Lượng nước tiêu trung bình trong ngày tính cho 1 con lợn

Định mức nước tiêu phát sinh	Lợn dưới 20 kg	Lợn 20 – 60 kg	Lợn 80 kg
Lượng nước tiêu hàng ngày (lít/con/ngày)	0,3 – 0,7	0,7 – 2	2 – 4

(Nguồn: Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Xuân Trạch, Vũ Đình Tôn, 2011)

Lưu lượng nước tiêu của lợn được tính toán như sau:

Bảng 6. Lưu lượng nước tiêu của lợn được tính toán theo tháng nuôi

Tháng nuôi	Trọng lượng lợn (kg/con)	Định mức nước tiêu phát sinh (lít/con/ngày)	Lưu lượng nước tiêu của lợn (m ³ /ngày)
1	8 – 18	0,3 – 0,7	0,18 – 0,42
2	18 – 30	0,7 – 2	0,42 – 1,2
3	31 – 61	0,7 – 2	0,42 – 1,2
4	61 – 75	2 – 4	1,2 – 2,4
5	76 – 97	2 – 4	1,2 – 2,4

➤ **Đối với phân lợn (vệ sinh và thu gom chung với nước thải)**

Theo Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Xuân Trạch, Vũ Đình Tôn (2011) thì lượng phân lợn phát sinh hàng ngày bằng khoảng 3% trọng lượng của lợn và theo Nguyễn Đức Lượng và Nguyễn Thị Thùy Dương, 2003 thì khối lượng riêng của phân lợn khoảng 0,9 tấn/m³, ước tính khối lượng phân lợn phát sinh trong các giai đoạn nuôi như sau:

Bảng 7. Khối lượng phân lợn phát sinh tại trang trại

Tháng nuôi	Trọng lượng cơ thể lợn (kg/con)	Khối lượng phân lợn phát sinh (kg/ngày)	Khối lượng phân lợn phát sinh (tấn/ngày)
1	8 – 18	0,24-0,54	0,14-0,32
2	18 – 30	0,54-0,9	0,32-0,54
3	31 – 61	0,9-1,83	0,54-1,1
4	61 – 75	1,83-2,25	1,1-1,35
5	76 – 97	2,25-2,91	1,35-1,74

Như vậy, tổng khối lượng phân lợn phát sinh trong một vụ nuôi là 0,14- 1,74 tấn/ngày tùy theo độ tuổi. Theo Nguyễn Đức Lượng và Nguyễn Thị Thùy Dương, 2003 thì khối lượng riêng của phân lợn khoảng 0,9 tấn/m³. Do đó khối lượng phân lợn phát sinh tương ứng khoảng 0,13-1,57 m³/ngày. Khối lượng phân lợn phát sinh được thu gom chung với nước thải vệ sinh chuồng trại.

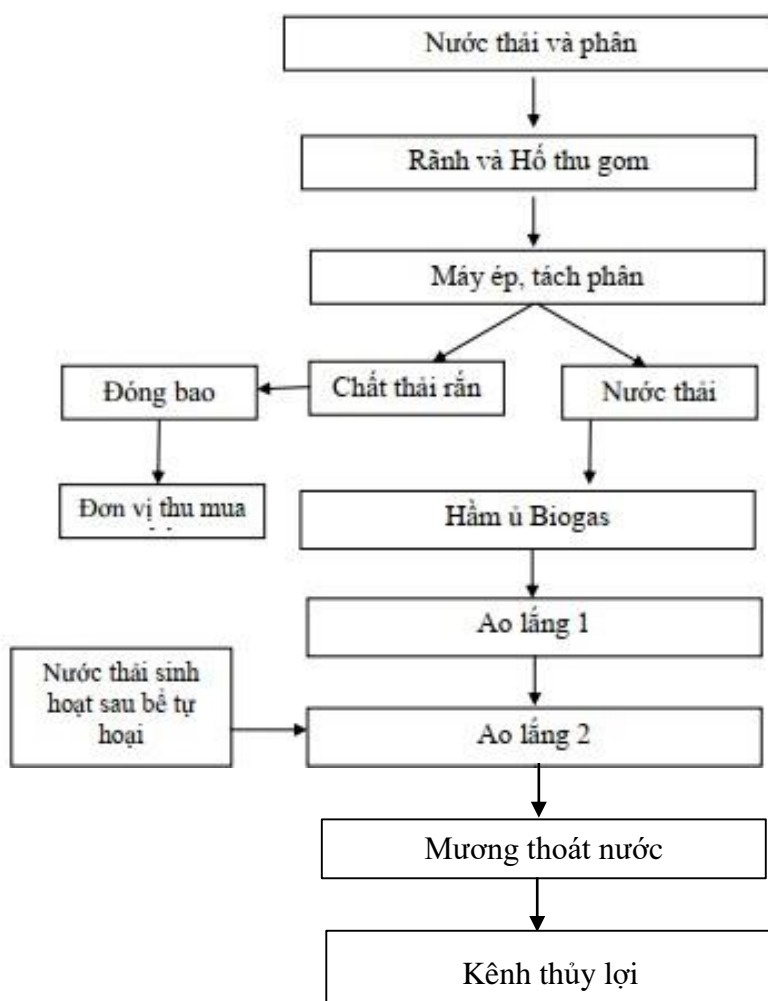
➤ **Nước thải vệ sinh chuồng**

Nước thải từ vệ sinh chuồng nuôi, theo số liệu thực tế của cơ sở dự kiến lượng nước thải từ vệ sinh chuồng nuôi khoảng 2,6 m³/ngày. Như vậy tổng lượng nước thải chăn nuôi phát sinh thường tại cơ sở bao gồm: nước tiêu lợn + phân lợn + nước vệ sinh chuồng trại = (0,18-2,4) m³/ngày + (0,13-1,57) m³/ngày + 2,6 m³/ngày = 2,9 – 6,6 m³/ngày tùy theo thời gian nuôi và trọng lượng của lợn.

❖ Biện pháp xử lý

Nước thải từ vệ sinh chuồng trại, tắm lợn và phân được thu gom đưa về hố ga cuối trại. Tại đây đặt bơm chìm để bơm nước thải và phân khi vệ sinh chuồng trại về máy ép và tách phân. Máy ép và tách phân để tách phần thải rắn, phần nước thải được chảy theo đường ống vào hầm ủ biogas và hệ thống các ao lắng 1, 2 để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

Từ cơ sở trên phương án xử lý sẽ được áp dụng như sau:



Hình 6. Quy trình xử lý nước thải

❖ Quy trình xử lý tách phân trong nước thải

Nước thải và phân từ Trại 1 được thu gom về chung hố ga cuối Trại 2, tại đây đặt bơm chìm để bơm nước thải và phân khi vệ sinh chuồng trại về máy ép và tách phân. Nước thải và phân được chuyển vào ống dẫn tới buồng ép. Tại đây với khe hở giữa trục vít và rãnh vít ngày càng hẹp hơn, áp lực lên bùn thải sẽ lớn dần. Do đó nước sẽ được tách khỏi bùn và chảy ra từ khe hở giữa các vòng di chuyển và vòng cố định. Sự di chuyển của các vòng này sẽ làm sạch khe hở giữa chúng và phòng tránh kẹt máy. Bã bùn sau khi lọc được ép tới bởi trục và thải ra ngoài. Phân được ép nước trở thành dạng rắn (bã) khô, dễ dàng được đóng gói, có

độ ẩm dao động từ 30-50% được thu gom vào bao và định kỳ bán cho đơn vị thu mua. Phần nước thải sau khi ép phân theo ống dẫn vào hầm ủ biogas để xử lý theo quy trình xử lý nước thải.

❖ **Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:**

Nước thải sau khi ép, tách phân sẽ tự chảy vào hầm ủ Biogas và các ao lắng 1, 2 để xử lý đạt quy chuẩn cụ thể như sau:

➤ **Bước 1: Xử lý bằng phương pháp sinh học yếm khí (hầm ủ Biogas)**

Nước thải sau khi tách phân chảy về hầm ủ biogas. Hầm được đào sâu xuống đất (4,5-5 m) so với mặt đất, bên trong hầm ủ Biogas nước thải được xử lý nhờ các vi sinh vật yếm khí có trong nước thải, tại hầm ủ Biogas các vi sinh vật ở dạng kỵ khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ dạng đơn giản và khí biogas (CO₂, CH₄, H₂S, NH₃,...) theo phản ứng sau:

Chất hữu cơ + Vi sinh vật kỵ khí → CO + CH₄ + H₂S + NH₃ + Các chất khác + Năng lượng

Chất hữu cơ + Vi sinh vật kỵ khí + Năng lượng → C₃H₆O₂N (tế bào vi khuẩn mới).

Trong hầm ủ Biogas có bộ phận tách 03 pha: khí biogas, nước thải và bùn kỵ khí, bùn kỵ khí được lấy ra định kỳ.

Hầm ủ Biogas gồm: thiết kế: 24m x 32m x 5m = 3.840 m³ so với lưu lượng nước thải được tính toán theo định mức phát sinh khoảng 2,9 – 6,6 m³/ngày.

Hiệu suất xử lý của túi ủ Biogas tính theo BOD₅, COD đạt khoảng 50 – 60%, tuy nhiên thời gian lưu chứa và xử lý tại túi biogas dài sẽ tăng hiệu suất xử lý. Sau khi qua túi ủ biogas nồng độ chất thải đã giảm đi nhiều và tiếp tục được xử lý ở bước tiếp sau.

➤ **Bước 2: Xử lý nước thải bằng hệ thống Ao lắng (ao lắng 1, 2)**

Nước thải sau quá trình xử lý tại hầm ủ Biogas sẽ tự chảy sang Ao lắng 1. Nước thải sau khi xử lý tại Ao lắng 1 sẽ tự chảy sang Ao lắng 2 với tổng thể tích các ao lắng 1.000 m², các Ao lắng được lót bạt HDPE chống thấm, cụ thể như sau:

+ Ao lắng 1: lưu chứa và xử lý nước thải sau biogas: kích thước 20m x 25m x 3,5m = 1.750 m³.

+ Ao lắng 2: lưu chứa và xử lý nước thải sau biogas: kích thước 20m x 25m x 3,5m = 1.750 m³.

Thực chất của quá trình xử lý nước thải bằng ao sinh học là sử dụng khu hệ vi sinh vật (vi khuẩn, tảo,...) tự nhiên có trong nước mặt để làm sạch nước. Hệ sinh vật rất đa dạng trong nước gồm các vi khuẩn yếm, hiếu khí, tảo và nguyên sinh vật.

Trong ao thường xảy ra 3 quá trình sau:

- Quá trình phân giải yếm khí xảy ra ở lớp bùn đáy và lớp nước sâu. Cặn lắng, các chất hữu cơ khó hoặc chậm phân hủy được chuyển hóa yếm khí, tạo ra các sản phẩm trung gian (rượu, axit, CO₂, H₂S,...) ở vùng yếm khí còn xảy ra quá trình khử nitrat nhờ một số vi khuẩn tự dưỡng và hóa năng.

- Quá trình oxy hóa hiếu khí xảy ra ở lớp nước mặt. Dưới tác dụng của vi khuẩn hiếu khí và hô hấp tùy tiện các sản phẩm phân giải yếm khí như các axit hữu cơ,... sẽ được oxy hóa hoàn toàn.

- Quá trình quang hợp xảy ra trên lớp nước mặt nhờ tảo và một số thực vật: CO₂ sinh ra do phân giải yếm khí và oxy hóa hiếu khí được tảo và một số thực vật khử bằng quá trình tự dưỡng quang năng.

Nước thải sau khi được xử lý ở Ao lắng 2 sẽ tự chảy vào Mương thoát nước và thoát ra kênh thủy lợi thông qua cống.

Nước thải sau xử lý bằng hầm ủ biogas, hệ thống Ao lắng sẽ đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi thoát vào kênh thủy lợi.

- Bùn lắng của hầm ủ biogas: do nước thải được tách phân trước khi đưa vào xử lý, do đó khối lượng bùn lắng trong hầm ủ biogas rất ít, vài năm kiểm tra và bơm một lần. Thời điểm bơm bùn lắng vào đầu mùa khô và bón cho cây trồng xung quanh.

Khí gas từ túi ủ được dẫn theo đường ống thoát ra môi trường.

Nguồn tiếp nhận nước thải của trang trại là kênh Thủy Lợi, nguồn nước chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân trong khu vực.

Bảng 8. Vị trí xả nước thải sau xử lý

TT	Ký hiệu điểm xả thải	Hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 6°)		Quy trình vận hành	Ghi chú
		X - N (m)	Y - E (m)		
1	Điểm xả	1847497.73	602032.594	Tự chảy	Bản vẽ thu gom, thoát nước thải đính kèm ở phần phụ lục

❖ **Thông số kỹ thuật các công trình xử lý nước thải**

Bảng 9. Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải

Thông số	Đơn vị	Giá trị
Hố ga thu gom		
Thể tích	m ³	0,216
Kích thước: L x B x H	0,6m x 0,6m x 0,6m	
Vật liệu: bê tông cốt thép		
Hầm ủ biogas		
Thể tích	m ³	3.840 m ³
Kích thước: L x B x H	m	24m x 32m x 5m
Vật liệu:	nhựa HDPE	
Ao lắng 1		
Thể tích chứa nước yêu cầu	m ³	1.750
Kích thước: L x B x H	m	20m x 25m x 3,5m

Vật liệu:	Ao đất lót bạt HDPE	
Ao lắng 2		
Thể tích chứa nước yêu cầu	m ³	1.750
Kích thước: L x B x H	m	20m x 25m x 3,5m
Vật liệu:	Ao đất lót bạt HDPE	

(Hình ảnh thực tế tại phụ lục đính kèm)

3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ Biện pháp giảm thiểu tác động bụi, khí thải từ hoạt động chăn nuôi

Để giảm thiểu ô nhiễm mùi, ô nhiễm không khí từ hoạt động chăn nuôi đến mức thấp nhất, ít gây tác động đến công nhân làm việc tại trang trại và dân cư ở các khu vực xung quanh, Cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế xây dựng các trại nuôi bảo đảm kín với bên ngoài, chuồng trại bên trong luôn thoáng mát, khoảng cách giữa các trại là 10m.

- Bố trí 10 quạt hút ở cuối mỗi trại lợn để tạo môi trường không khí thông thoáng, khí thải sau quạt hút được che chắn bởi vách ngăn cao 4m để khí và mùi không phát tán ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại định kỳ không để phát tán mùi ra bên ngoài môi trường.

- Khoảng cách giữa vị trí của trang trại với người dân xung quanh khá xa.

- Sử dụng các chế phẩm sinh học, các men dùng trong thức ăn, giúp cho quá trình tiêu hoá được tốt, sử dụng men vi sinh khử mùi để hạn chế khí độc thải ra.

- Che chắn kín chuồng trại, trồng cây xanh xung quanh khu vực trại chăn nuôi nhằm cải thiện môi trường không khí và hạn chế khuếch tán mùi, bụi ra khu vực bên ngoài. Cây xanh là những cây lâu năm có tán rộng, có khả năng che chắn.

- Bảo đảm các điều kiện vệ sinh môi trường trong suốt quá trình hoạt động trang trại.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Do loại hình hoạt động của Trang trại là trại chăn nuôi lợn nên không đầu tư công trình xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại chủ yếu là thu gom quản lý và thuê đơn vị xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân với khối lượng 02 kg/ngày, được thu gom và phân loại vào thùng rác. Sau đó, định kỳ sẽ hợp đồng với Trung tâm Môi trường – Đô thị Hải Lăng thu gom và đưa đi xử lý (Hợp đồng đính kèm tại phụ lục báo cáo).

- Chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở. Chất thải rắn chăn nuôi chủ yếu gồm: phân, bao bì đựng thức ăn, chai lọ đựng thuốc, bùn thải từ hệ thống túi ủ Biogas,... Đối với từng loại chất thải sẽ có các biện pháp xử lý riêng, cụ thể như sau:

+ Đối với phân lợn: được thu gom chung với nước vệ sinh chuồng trại và xử lý ở máy ép, tách phân sau đó được bán cho các đơn vị thu mua làm phân hữu cơ.

+ Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, chai thuốc sau sử dụng,... được thu gom vào thùng chứa 60L có nắp đậy và lưu trữ vào kho chứa kết cấu bằng tường xây, nền bê tông, lợp mái tôn. Định kỳ Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam sẽ tiến hành thu gom lượng chất thải nguy hại này để đưa đi xử lý.

- Đối với lợn chết do dịch bệnh được xử lý theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ NN&PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Đối với lợn chết không do dịch bệnh sẽ được Chủ cơ sở thu gom xử lý bằng hố tiêu hủy.

+ Khu vực hủy xác có diện tích 500 m² được bố trí trong khu đất dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi, khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân.

- Quy trình hủy xác:

+ Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hầm huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hầm huỷ xác.

+ Bước 2: Cho xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu huỷ xuống hầm.

+ Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hầm. Tùy theo số lượng xác để rải vôi bột.

+ Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chết, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên.

+ Bước 5: Trên bề mặt hầm huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m² hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 - 0,25 lít/m² để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe và máy phát điện.

- Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng. Hạn chế vận chuyển lợn vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ chuyển lợn và nguyên liệu lên xuống xe.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại cũng như giữ nguyên hiện trạng cây xanh hiện có trong khuôn viên trang trại góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, các khu nhà phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện.

- Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của Trang trại.

- Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy trại: hòm cứu hỏa, bình CO₂, máy bơm,.. Các thiết bị như bình CO₂ được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của Trại, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi có trâu,...

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố dịch bệnh

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố dịch bệnh trong Trang trại một số biện pháp sau được thực hiện:

**Vệ sinh cơ bản:*

Khu trại được thiết kế ngay công ra vào có hồ chứa nước sát trùng và hệ thống máy phun sát trùng cho bất cứ phương tiện nào đi ra vào trại. Đối với công nhân viên và khách tham quan trước khi ra vào trại đều phải tuân thủ quy định của trại là tắm nước sát trùng và thay đồ mới sử dụng trong trại. Quần áo của công nhân và khách được giặt và sát trùng mỗi ngày

**Vệ sinh chuồng nuôi*

Sau mỗi đợt xuất chuồng cần phải vệ sinh sạch sẽ chuồng trại, thu gom phân trên sàn nếu có, phun thuốc sát trùng cho các chuồng trước khi thả đàn mới

**An toàn vệ sinh thú y*

Tuân thủ tuyệt đối chương trình vệ sinh phòng dịch quốc gia. Bên cạnh đó trại cũng có chương trình phòng dịch riêng nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho sức khỏe của đàn lợn và môi trường.

**An toàn sinh học - Phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi*

Chương trình an toàn sinh học là việc áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa vật nuôi và mầm bệnh nhằm đảm bảo cho đàn vật nuôi được hoàn toàn khỏe mạnh và không bị dịch bệnh.

- Chăn nuôi an toàn sinh học sẽ góp phần:
 - + Ngăn cản sự xâm nhập của mầm bệnh từ bên ngoài trại vào trong trại.
 - + Không để mầm bệnh lây lan giữa các khu vực trong trại.
 - + Không để vật nuôi trong trại phát bệnh.
 - + Ngăn cản sự lây lan mầm bệnh từ trong trại (nếu có) ra ngoài trại.
- Các nguyên tắc cơ bản trong thực hành chăn nuôi an toàn sinh học:
 - + Đàn vật nuôi phải được nuôi trong một môi trường được bảo vệ.
 - + Đàn vật nuôi phải được chăm sóc nuôi dưỡng tốt.
 - + Tất cả mọi sự di chuyển ra vào trại và giữa các khu vực trong trại đều phải được kiểm soát nghiêm ngặt.
- Các biện pháp thực hành an toàn sinh học:
 - + Thực hiện chế độ nuôi chuồng kín đối với từng dãy nhà nuôi.
 - + Chăn nuôi và kiểm soát dịch bệnh từng dãy nhà trong trại.
 - + Tất cả người và phương tiện khi vào khu vực phải đi qua hố sát trùng ở lối vào khu vực.
 - + Cọ rửa ủng và bánh xe ngay khi ra khỏi dãy chuồng và sau đó đi qua hố sát trùng.
 - + Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy chuồng. Cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.
 - + Cố định công nhân dãy chuồng hoặc khu vực chăn nuôi.
 - + Sử dụng con giống an toàn dịch bệnh: Nhập giống gia cầm từ các đơn vị cung cấp giống an toàn về dịch bệnh và các bệnh truyền nhiễm quan trọng.
 - + Phòng bệnh bằng vắc xin: Tùy theo giống vật nuôi mà thực hiện các chương trình tiêm phòng vắc xin khác nhau theo quy định của cơ quan thú y.
 - + Xét nghiệm định kỳ, giám sát sự lưu hành các loại mầm bệnh: Có hệ thống giám sát dịch bệnh theo sự quản lý của cơ quan thú y được phân công: xét nghiệm huyết thanh định kỳ.
 - + Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại trong thời gian quy định.
 - + Trong điều kiện không có dịch bệnh, định kỳ phun thuốc sát trùng khu vực đệm.
 - + Trong trường hợp trại đang nằm trong vùng dịch hoặc vùng bị dịch uy hiếp thì phải phun thuốc sát trùng mỗi tuần 2 lần.
- Xử lý, tiêu hủy lợn bệnh và chết:

+ Phải có khu vực riêng để xử lý gia súc bệnh. Sau mỗi lần xử lý phải phun sát trùng.

+ Tiêu hủy gia súc ốm, chết theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- Kiểm soát các sự di chuyển ra vào trại:

+ Các phương tiện vào trại phải được rửa sạch bằng vòi phun nước áp lực cao. Sau đó, đi qua hố sát trùng.

- Người vào trại bắt buộc phải vệ sinh theo quy trình sau:

+ Thay quần, áo, mũ, ủng.

+ Tắm và gội đầu.

+ Mặc quần, áo, mũ, ủng mới của trại đã được giặt và sát trùng.

+ Đi qua hố sát trùng để vào trại.

Các biện pháp xử lý và phòng chống khi xảy ra dịch bệnh:

**Khi có bệnh xảy ra phải:*

- Thông báo ngay cho cán bộ thú y;

- Không bán chạy, không ăn thịt gia súc trong đàn bị bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;

- Cách ly ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gia súc chết, mắc bệnh và các gia súc khác trong đàn theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương.

- Vệ sinh tiêu độc ổ dịch theo trình tự sau:

+ Phun sát trùng, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi liên tục 2-3 lần trong tuần đầu. Riêng chuồng nuôi phải để nguyên trạng, phun thuốc sát trùng và ủ 5-7 ngày;

+ Quét dọn, thu gom và tiêu hủy phân.

+ Rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom.

+ Việc nuôi gia súc trở lại phải được sự đồng ý của các cơ quan quản lý thú y.

Chú ý: Tất cả những người tiếp xúc với gia cầm súc, phải sử dụng bảo hộ lao động, tránh lây nhiễm bệnh.

**Biện pháp phòng tránh chung trong vùng chưa có dịch*

- Không tiếp xúc với gia súc, trừ trường hợp bắt buộc.

- Người chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, dây dép ở khu vực riêng.

**Biện pháp phòng tránh trong vùng dịch*

- Người chăn nuôi, người vận chuyển, kiểm tra và tiêu hủy gia súc phải sử

dụng trang bị bảo hộ lao động:

- Mặc quần áo bảo hộ liền bộ, dài tay, không thấm nước;
- Đeo găng tay cao su loại dày đã được khử trùng;
- Đeo khẩu trang; đeo kính bảo hộ; đội mũ bảo hộ; đi ủng cao su
- Những người tiếp xúc với gia cầm bệnh cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng.
- Thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn lợn. Nếu thấy có lợn bệnh:
 - + Phải báo ngay cho cán bộ thú y, cán bộ kỹ thuật của trại;
 - + Không bán chạy, không ăn thịt gia súc bệnh, không vớt xác chết bừa bãi;
 - + Phải tiêu hủy toàn bộ đàn gia súc theo quy định;
 - + Quét dọn phân, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi theo hướng dẫn của thú y;
 - + Những người đã tiếp xúc với gia súc bệnh, khi thấy có biểu hiện như ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

c. Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống nhằm không chế ô nhiễm, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.
 - Đảm bảo vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
 - Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý; nếu không đạt, không sử dụng nước thải tưới cây và bơm ngược trở lại bể lắng để xử lý. Trong trường hợp nước thải không đạt nữa cơ sở sẽ tiến hành lập các hồ sơ pháp lý và cải tạo hệ thống xử lý nước thải.
 - Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
 - Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý. Nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích một số thông số ô nhiễm thông thường (nếu có điều kiện). Nếu hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đạt giới hạn yêu cầu, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của các CBCNV của Trang trại.

+ Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,4 m³/ng.đ.

+ Vị trí, phương thức cả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước sau xử lý qua hố thấm và sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước của dự án, định kỳ thuê đơn vị có chức năng tại địa phương hút cặn và đưa đi xử lý.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải: Chất lượng môi trường nước thải xử lý đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 10. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
1	pH		5-9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Sunfua	mg/l	4,8
5	Amoni	mg/l	12
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
8	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12
9	Coliforms	MPN/100ml	6.000

- Nước thải sản xuất:

+ Nguồn phát sinh: Từ quá trình vệ sinh chuồng trại.

+ Lưu lượng xả thải tối đa: 6,6 m³/ngày.

+ Vị trí, phương thức cả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải phát sẽ được thu gom xử lý bằng hệ thống biogas – ao lắng. Nước thải sau xử lý đảm bảo quy định sẽ thoát ra mương thủy lợi (tọa độ X: 1847497.73m; Y: 602032.594m), phương thức xả thải là tự chảy.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải: Chất lượng môi trường nước thải xử lý đạt cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi. Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 11. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 62- MT:2016/BTNMT (cột B)
1	pH		5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	100
3	COD	mg/l	300
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	150
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	150
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông và mùi hôi từ quá trình chăn nuôi. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện giao thông. Các nguồn này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý phương tiện lưu thông ra vào khu vực Trang trại. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo nội dung hồ sơ Kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND huyện xác nhận, cơ sở “Chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp” không yêu cầu quan trắc, giám sát chất lượng môi trường. Tuy nhiên, nhằm để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống xử lý biogas – ao lắng, Chủ trang trại đã hợp đồng với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng (VIMCERTS 263) để thực hiện công tác quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

Hoạt động quan trắc môi trường của cơ sở chi tiết như sau:

Bảng 12. Kết quả quan trắc của cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	TCVN6492:2011	7,12	5,5-9
2	BOD ₅	mg/L	SMEWW 254.D: 2017	91	150
3	COD	mg/L	SMEWW 5210.B: 2017	62,90	100
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 5220C: 2017	101,86	300
5	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	74,3	150
6	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	4.600	5.000

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

a. Giám sát chất lượng nước thải

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 điểm cuối hệ thống xử lý.
- Tần suất giám sát: 01 lần/năm
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

b. Giám sát CTR, CTNH

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.
- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của Trang Trại
- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Cơ sở là 5.000.000 đồng.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ thời điểm hoạt động đến nay Cơ sở đã có các đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường, cụ thể:

Ngày 03/11/2023, Đoàn kiểm tra của huyện bao gồm Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hải Lăng và UBND xã Hải Phú đã thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường tại Cơ sở. Qua quá trình thanh tra, kiểm tra cơ quan chức năng đã làm việc với các nội dung như sau:

1. Kiểm tra công tác BVMT tại trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp.

2. Kết quả kiểm tra

- Trang trại chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp của ông Nguyễn Thế được UBND huyện xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 537/GXN-UBND ngày 20/7/2016.

- Biện pháp bảo vệ môi trường: Sử dụng máy ép phân khô để ép phân, tái sử dụng (bón cây, bán cho các hộ gia đình có nhu cầu); nước thải đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (hầm biogas, 02 hồ sinh học) để xử lý, nước thải sau xử lý thoát ra ngoài môi trường (hướng bắc của trang trại).

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện vận chuyển, xử lý. Vô thuốc thú y, vacxin sau sử dụng,... được chuyển lại cho đơn vị cung cấp.

- Đã chấp hành nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp hằng năm theo đúng quy định.

3. Kết luận

- Trang trại chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp của Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Phú Hưng, xã Hải Phú đã có hồ sơ môi trường và đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải phát sinh. Tuy nhiên, chưa lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

- Yêu cầu HTX Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Phú Hưng, xã Hải Phú triển khai thực hiện các nội dung sau:

+ Đề nghị Chủ trang trại tiến hành thu gom, xử lý nước thải phát sinh; thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, nguy hại phát sinh theo quy định.

+ Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và các Nghị định, Thông tư đã được ban hành có nhiều nội dung mới, theo đó các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào hoạt động trước ngày 01/01/2022 có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử

lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường. Đề nghị HTX Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Phú Hưng, xã Hải Phú lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình UBND huyện cấp phép, hoàn thành trước ngày 31/12/2024, thực hiện theo Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

+ Lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến UBND huyện và các cơ quan liên quan trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo, thực hiện theo Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 65, Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính lại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

+ Thực hiện kê khai, đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất được quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước).- Đề nghị Chủ trang trại lập hồ sơ cấp GPMT đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

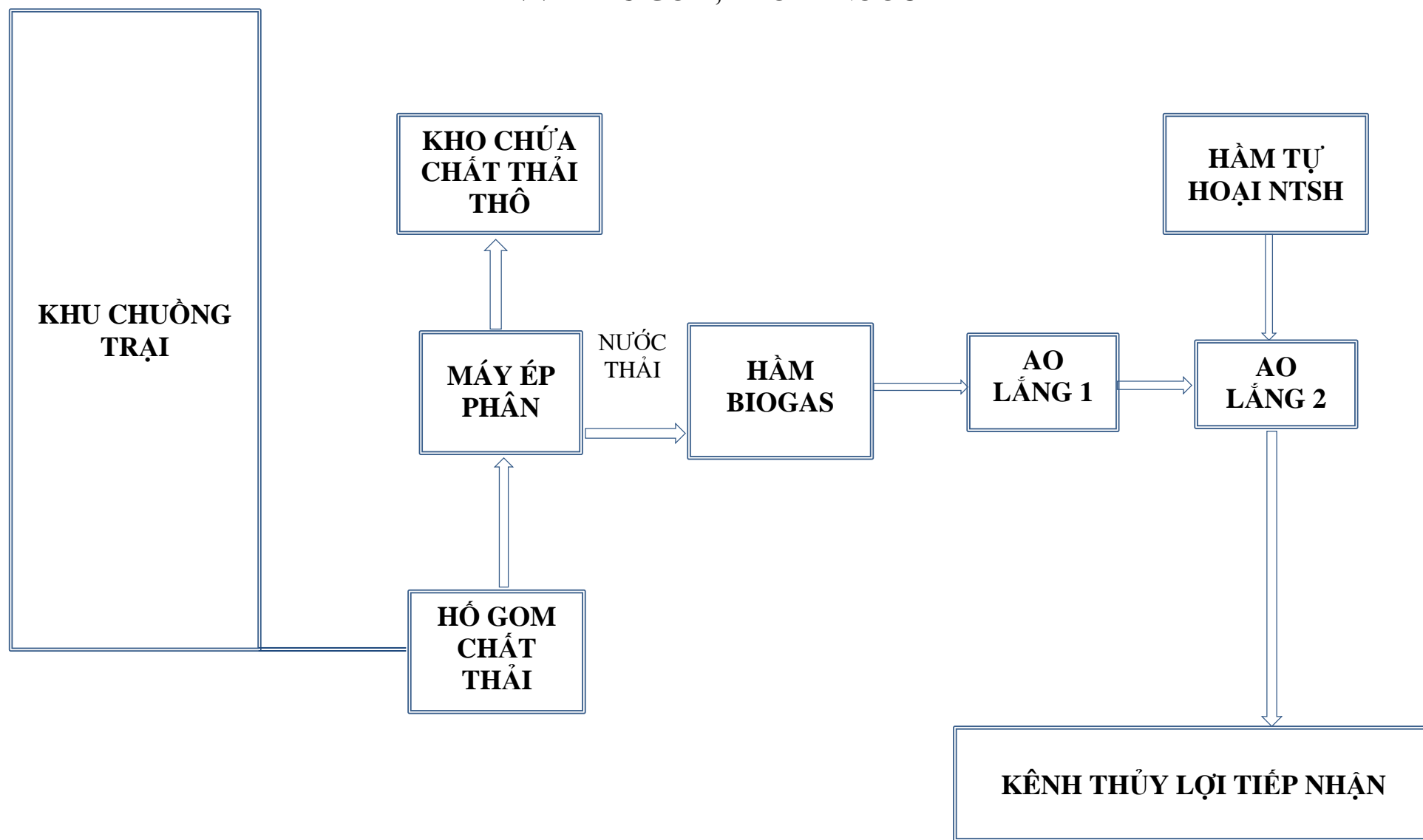
Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường.
- Phối hợp với thôn xây dựng đường vào cơ sở khắc phục hư hỏng của các con đường
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản vẽ thu gom, thoát nước thải;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Bản sao Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Kết quả phân tích nước thải;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở.

BẢN VẼ THU GOM, THOÁT NƯỚC THẢI



UBND TỈNH BÌNH TRỊ THIÊN
UBND HUYỆN Trị An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /QB

ngày 1 tháng 1 năm 19 83

QUYẾT ĐỊNH

Giao đất, giao rừng cho hợp tác xã

Chủ tịch UBND Huyện Trị An

– Căn cứ vào quyết định số 272/CP ngày 3 tháng 10 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ ban hành chính sách đối với hợp tác xã mở rộng diện tích sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng vùng kinh tế mới, thực hiện định canh định cư » ;

– Căn cứ vào thông tư số 20 TT/LB ngày 11 tháng 10 năm 1973 của Liên Bộ Lâm Nghiệp, Nông nghiệp hướng dẫn thực hiện việc giao đất, giao rừng để hợp tác xã phát triển sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp ;

– Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất đai và phân bổ lao động của huyện đã được duyệt :

– Căn cứ vào quy hoạch sản xuất và đơn đề nghị của hợp tác xã Phú Hưng ngày 25 tháng 12 năm 19 82.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. – Nay giao cho HTX Phú Hưng diện tích đất và rừng dùng để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, đất làm nhà ở và làm kinh tế phụ, sau đây :

a) Đất để sản xuất nông nghiệp 536.5 ha, gồm :

– Đất để trồng cây lương thực, hoa màu 287.0 ha,

– Đất để trồng cây công nghiệp ha,

– Đất đồng cỏ để chăn nuôi 255.5 ha,

b) Đất và rừng để sản xuất nông nghiệp 387.0 ha, gồm :

– Đất để trồng rừng 246.0 ha,

– Rừng tự nhiên Đất lập vựa + vựa vụn 67.0 ha,

– Rừng đã trồng 40.0 ha,

– Đất có KN kết hợp Mây lâu 33.0

e) Đất hộ xã viên làm nhà ở 82.0 ha, cho 348 hộ.

d) Đất để xã viên làm kinh tế phụ 58.0 ha, cho hộ.

e) Đất chuyên dùng khác
Điều 2. - Hợp tác xã Phú Hưng có trách nhiệm quản lý sử dụng diện tích

đất và rừng từ sau khi giao nhận, phải đưa nhanh, đưa hết đất và rừng vào sản xuất theo đúng quy hoạch, kế hoạch, quy trình kỹ thuật và chấp hành đúng các chế độ chính sách, luật lệ Nhà nước.

Điều 3. - Ủy quyền cho ban nông lâm huyện và hạt kiểm lâm nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân xã sở tại để tổ chức giao đất, giao rừng cho hợp tác xã.

Điều 4. - Các cơ quan nông nghiệp, lâm nghiệp, kế hoạch, tài chính, ngân hàng, vật tư, lương thực... của huyện có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ hợp tác xã phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên diện tích đất và rừng đã giao.

Điều 5. - Đồng chí Chánh văn phòng UBND huyện, trưởng ban nông lâm, hạt trưởng KLND, các đồng chí phụ trách các ngành có liên quan nói ở điều 3, Chủ tịch UBND xã Hải Phú và chủ nhiệm hợp tác xã Phú Hưng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Ủy Ban Nhân Dân Huyện Triệu Đức

CHỦ TỊCH



Nơi nhận :

- UBND xã Hải Phú
- HTX Phú Hưng
- Các cơ quan nói ở điều 4
- Lưu văn phòng UBND huyện
- Ban giao đất giao rừng tỉnh
(Ty Lâm nghiệp)

Trần Đức Mạnh

Số: 536/GXN-UBND

Hải Lăng, ngày 20 tháng 7 năm 2016

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
Của dự án : “Chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp”

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2 /2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của ông Nguyễn Hữu Minh; ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 665/TTr-PTNMT ngày 15/7/2016,

UBND huyện Hải Lăng xác nhận ông Nguyễn Hữu Minh đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: “Chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp” tại thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng ngày 06 tháng 7 năm 2016.

Ông Nguyễn Hữu Minh có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: “Chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp” tại thôn Phú Hưng, xã Hải Phú kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho ông Nguyễn Hữu Minh để thực hiện và lưu được tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát. *✍*

Nơi nhận: *lw*

- CT, PCT NN UBND huyện;
- Phòng TN- MT;
- UBND xã Hải Phú;
- Ông Nguyễn Hữu Minh;
- CVP, PVP, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Giáp

Số: 123/TB-UBND

Hải Lăng, ngày 23 tháng 06 năm 2016

THÔNG BÁO

V/v đồng ý thực hiện Dự án sản xuất tổng hợp V.A.C trên vùng cát

Căn cứ Quyết định số 150/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản cả nước đến 2010, tầm nhìn 2020 và Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 30/7/2009 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 18 về việc Tổ chức mạng lưới thú y cơ sở; phát triển một số cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010-2015 và phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay sản xuất kinh doanh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020;

Thực hiện Kế hoạch Tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện giai đoạn 2015-2020 và những năm tiếp theo;

Xét báo cáo thẩm định số 21/BC-PNN ngày 21/6/2016 về kết quả thẩm định Dự án chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp và Tờ trình số 44/TTr-PNN ngày 21/6/2016 về việc đề nghị phê duyệt Dự án chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp của phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, UBND huyện Hải Lăng có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương cho phép Hợp tác xã Phú Hưng, xã Hải Phú triển khai thực hiện Dự án “chăn nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp” tại vùng Choi Sắn thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng.

2. Yêu cầu chủ dự án trực tiếp làm việc với UBND xã Hải Phú, Phòng Tài nguyên – Môi trường, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện để được hướng dẫn lập thủ tục triển khai dự án theo đúng qui định; trong quá trình sản xuất phải thực hiện nghiêm các nội dung dự án đã lập và theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. /

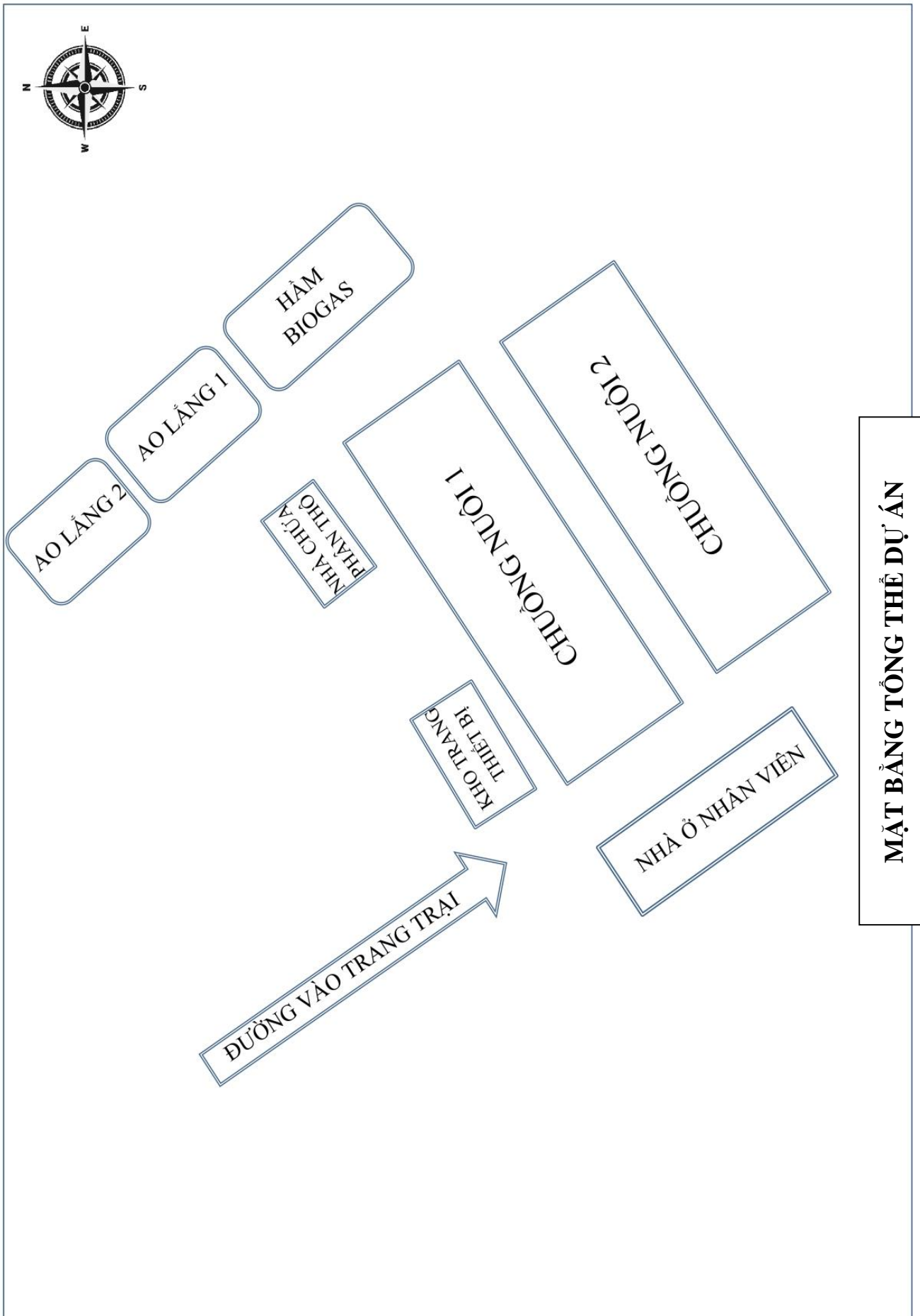
Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT, TN-MT huyện;
- UBND xã Hải Phú;
- HTX Phú Hưng: chủ dự án;
- CVP, PVP, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Giáp



Số: 2023/KQTN-D1227-T227

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Hợp tác xã dịch vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Phú Hưng
- Địa điểm/ Address : Trang trại chăn nuôi lợn của HTX Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải
- Mã mẫu/ Sample code : NT536/27122023
- Số lượng/ Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/12/2023
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 08/01/2024

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 62-MT :2016/BTNMT Cột B
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	SMEWW 2540.D: 2017	91	150
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	SMEWW 5210.B:2017	62,90	100
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	101,86	300
5	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	74,30	150
6	Tổng coliform ^(*)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	4.600	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ NT: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X: 1847497.73; Y: 602032.594

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Laboratory



Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 08 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm